

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28-12-2022
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hạnh

Bà Nguyễn Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Trần Phương Thảo-Thư ký Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận Lê Chân tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Huyền- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 122/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 796/2022 /QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đoàn Như B; nơi cư trú: Thôn 3 xã H, huyện V, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Hoàn; đăng ký thường trú tại: Số 18/64//476 Ch, phường D, Quận L, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: 6/112/229 MHX, phường D, quận L, phố Hải Phòng; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 9 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Đoàn Như B trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự tìm hiểu, được hai gia đình đồng ý vào năm 1998. Do thời điểm đó hai bên bận làm ăn cũng như thiếu hiểu biết pháp luật

nên không tiến hành đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Quá trình chung sống, hai bên hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cách sống dẫn đến hai bên không thể chung sống với nhau được nên hai bên đã tự sống ly thân từ năm 2015 đến nay, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay anh B xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Anh B yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận anh và chị H là vợ chồng.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là Đoàn Thị Ph, sinh ngày 17/8/199X và Đoàn Phương L, sinh ngày 07/5/201Y, con lớn đã thành niên nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh đề nghị Tòa án giao con nhỏ Đoàn Phương L cho chị H nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con hai bên tự giải quyết với nhau anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh B đề nghị Tòa án anh xin nộp cả án phí ly hôn.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Đoàn Như B xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện được hai bên gia đình đồng ý nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống hai bên hạnh phúc đến năm 2015 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng nhau trong cách sống, dẫn đến hai bên thường xảy ra xô xát. Từ năm 2015 đến nay chị và anh B sống ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay anh B có đơn xin ký hôn chị cũng nhận thấy tình cảm giữa chị và anh B không còn, mâu thuẫn đã lâu nên chị cũng đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh B là vợ chồng.

Về con chung: Chị và anh B có 02 con chung là Đoàn Thị Ph, sinh ngày 17/8/199X và Đoàn Phương L, sinh ngày 07/5/201Y, con lớn đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết và chị đề nghị Tòa án giao con nhỏ Đoàn Phương L cho chị nuôi dưỡng và chăm sóc. Cấp dưỡng nuôi con chị và anh B sẽ tự giải quyết với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị H đề nghị Tòa án để anh B nộp cả án phí ly hôn.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ với đại diện gia đình và đại diện chính quyền địa phương cho thấy: Anh B và chị H xây dựng gia đình với nhau năm 1998 được gia đình hai bên đồng ý tổ chức hỏi cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống hai bên có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, cách sống, hai bên đã sống ly thân nhau. Nay hai bên có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, đại diện gia đình đề nghị Tòa án căn cứ vào mâu thuẫn của vợ chồng cũng như các quy định của pháp luật để giải quyết.

Về con chung anh B và chị H có hai con chung Đoàn Thị Ph, sinh ngày 17/8/199X và Đoàn Phương L, sinh ngày 07/5/201Y, đến nay cháu Ph đã thành niên, đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của cháu L và quy định của pháp luật để giải quyết đảm bảo quyền lợi cho các cháu. Về tài sản chung là vấn đề riêng tư cá nhân nên không có ý kiến.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị H và anh B có đăng ký nhân khẩu thường trú là Ủy ban nhân dân phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Ủy ban nhân dân phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng và Ủy ban nhân dân xã Hòa Bình, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng cho thấy từ năm 1998 đến nay anh B và chị H chưa tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật;

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và các tài liệu Tòa án đã thu thập thể hiện mâu thuẫn của anh B và chị H không thể hòa giải, hai bên đều có đủ điều kiện tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn nên đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Đoàn Thị Ph, sinh ngày 17/8/199X và Đoàn Phương L, sinh ngày 07/5/201Y, đến nay con lớn đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và đề nghị Tòa án giao con nhỏ Đoàn Phương L cho chị H nuôi dưỡng và chăm sóc. Cấp dưỡng nuôi con hai bên tự giải quyết với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị HĐXX xem xét nguyện vọng của cả hai anh chị và chấp nhận yêu cầu giao con chung cho chị Hoàn chăm sóc và nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh B phải nộp án phí theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Đoàn Như B có đơn xin xét xử vắng mặt, do vậy HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện không công nhận quan hệ vợ chồng cũng như tài liệu có trong hồ sơ thể hiện chị Nguyễn Thị H đăng ký thường trú tại: Số 18/64//476 Ch, phường D, Quận L, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: 6/112/229 M HX, phường D, quận L, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh B và chị H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền mặc dù hai bên có đủ điều kiện kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu của hai bên và tuyên bố không công nhận anh Đoàn Như B và chị Nguyễn Thị H là vợ chồng.

[4] Về con chung: Anh B và chị H có 02 con chung là Đoàn Thị Ph, sinh ngày 17/8/199X và Đoàn Phương L, sinh ngày 07/5/201Y, nay con lớn đã thành niên nên anh B và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết và đề nghị Tòa án giao con nhỏ Đoàn Phương L cho chị H nuôi dưỡng và chăm sóc. Cấp dưỡng nuôi con hai bên tự giải quyết với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng đề nghị giao con của anh chị cho chị H chăm sóc và nuôi dưỡng là hoàn toàn tự nguyện, cháu L có ý kiến đề nghị Tòa án để cháu được sống cùng với mẹ nếu bố mẹ ly hôn nên việc đề nghị của anh B và chị H giao con chung cho chị H nuôi dưỡng chăm sóc, là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như các quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Anh B và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Anh Đoàn Như B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14; Điều 53; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Đoàn Như B và chị Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Giao con chung Đoàn Phương L, sinh ngày 07/5/201Y cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con thành niên đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Anh Đoàn Như B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền trên anh B đã nộp đủ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0005359 ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Đoàn Như B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Lê Chân;
- Chi cục thi hành án dân sự quận Lê Chân;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hải Yến

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Hải Yến